

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu  
Số 11 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**HỒ LƠI**

1. Báo cáo tài chính năm 2013  
2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013  
3. Báo cáo tình hình tài chính năm 2013  
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013



13.000.000.000

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35

ĐƠN VỊ  
CỘNG HÒA  
KIỂM  
TC VIỆT  
- TP -

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo giấy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0301671386, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; in, tráng verni trên sắt; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 369 người, trong đó số lượng nhân viên quản lý là 27 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 346 người).

**2. Ban điều hành**

Các thành viên Ban điều hành trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Hữu Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quý	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Giang Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Thành viên (từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012)

**Ban kiểm soát**

Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban điều hành (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Hữu Minh  
Ông Nguyễn Quý

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

3. **Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

7. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**TRỊNH HỮU MINH**  
Thành viên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Số: 80/2014/BCKT-HCM.00149

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của  
**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU****Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

**TRẦN THỊ HOÀNG YẾN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>191.977.418.820</b>	<b>176.147.163.746</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	11.866.984.022	5.622.310.872
Tiền	111		11.866.984.022	5.622.310.872
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		49.427.658.954	53.242.568.616
Phải thu khách hàng	131	4.2	49.758.644.353	41.072.818.251
Trả trước cho người bán	132	4.3	283.177.514	12.792.905.870
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	312.305.082	303.312.490
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.2	(926.467.995)	(926.467.995)
Hàng tồn kho	140	4.5	129.436.063.764	108.145.936.532
Hàng tồn kho	141		129.436.063.764	108.145.936.532
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.246.712.080	9.136.347.726
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	295.010.373	561.287.031
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.17	183.511.798	274.953.688
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.17	275.131.909	350.615.041
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	493.058.000	7.949.491.968

SỔ ĐỎ  
 CÔNG  
 CHỨNG  
 TIỀN  
 VI  
 TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>129.060.133.951</b>	<b>99.758.956.862</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		122.091.950.665	95.610.493.717
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	119.685.887.835	92.773.433.961
Nguyên giá	222		279.943.448.872	237.273.197.422
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.257.561.037)	(144.499.763.461)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.9	2.406.062.830	2.697.705.809
Nguyên giá	225		2.916.439.794	2.916.439.794
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(510.376.964)	(218.732.985)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	-	139.352.947
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.11	1.466.652.000	819.991.800
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(505.348.000)	(1.152.008.200)
Tài sản dài hạn khác	260		5.501.531.286	3.328.471.345
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	5.148.588.286	2.975.528.345
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	4.13	352.943.000	352.943.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>321.037.552.771</b>	<b>275.906.120.608</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>157.238.316.362</b>	<b>116.877.355.393</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.084.479.478</b>	<b>100.972.647.996</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	68.946.282.833	50.373.182.469
Phải trả cho người bán	312	4.15	38.696.616.222	12.327.119.040
Người mua trả tiền trước	313	4.16	1.585.755.210	1.836.230.424
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.17	3.922.952.041	6.708.752.347
Phải trả công nhân viên	315	4.18	5.244.011.444	4.290.090.911
Chi phí phải trả	316	4.19	1.332.873.680	1.060.191.864
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	16.868.487.693	21.275.814.601
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.21	1.487.500.375	3.101.266.340
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.153.836.884</b>	<b>15.904.707.397</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.22	18.837.405.014	15.771.012.810
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.23	316.431.870	133.694.587
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.799.236.409</b>	<b>159.028.765.215</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.24	<b>163.799.236.409</b>	<b>159.028.765.215</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		103.395.200.000	103.395.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.080.701.449	24.080.701.449
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(317.124.000)	(317.124.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.739.774.805	12.733.605.949
Quỹ dự phòng tài chính	418		7.696.602.023	6.659.948.434
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.204.082.132	12.476.433.383
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>321.037.552.771</b>	<b>275.906.120.608</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (tờ)		199.448,00	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại	4.1	-	-
USD		0,68	207,43
SGD		0,34	0,34
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



*(Handwritten signature)*

**NGUYỄN THỊ QUYÊN**  
 Người lập biểu

**VÕ NGỌC HUỖNH THƯ**  
 Kế toán trưởng

**TRỊNH HỮU MINH**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>378.046.519.542</b>	<b>334.633.929.727</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		78.005.300	1.840.516.580
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>5.1</b>	<b>377.968.514.242</b>	<b>332.793.413.147</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>5.2</b>	<b>316.105.383.611</b>	<b>282.808.220.067</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>61.863.130.631</b>	<b>49.985.193.080</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	568.620.959	1.193.222.129
Chi phí tài chính	22	5.4	6.656.838.343	6.577.446.029
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.756.499.567	6.283.405.254
Chi phí bán hàng	24	5.5	13.350.331.280	9.423.688.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	10.115.991.503	8.593.068.883
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>32.308.590.464</b>	<b>26.584.211.570</b>
Thu nhập khác	31	5.7	573.171.668	1.971.417.029
Chi phí khác	32	5.8	1.344.788.143	705.660.380
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(771.596.475)</b>	<b>1.265.756.649</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>31.536.993.989</b>	<b>27.849.968.219</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	7.893.536.174	6.983.201.849
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.10	182.737.283	133.694.587
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>23.460.720.532</b>	<b>20.733.071.783</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.12	2.273	2.009

NGUYỄN THỊ QUYẾN  
Người lập biểu

VÕ NGỌC HUỖNH THU  
Kế toán trưởng



TRỊNH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Mã số	2013 VND	2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	31.536.993.989	27.849.968.219
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.582.143.335	15.346.784.389
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(646.660.200)	33.333.000
(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	13.293.795	(251.540.216)
(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(720.608.441)	(542.357.221)
Chi phí lãi vay	06	6.766.499.567	6.283.405.254
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>54.521.662.045</b>	<b>48.719.593.425</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	15.882.913.160	(16.917.729.696)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(21.290.127.232)	38.167.276.262
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	6.307.650.796	(20.405.359.155)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(1.729.100.353)	(2.367.556.259)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.455.744.034)	(6.283.405.254)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.692.407.170)	(9.949.127.271)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	17.172.124.410	16.422.066.659
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.094.374.183)	(10.732.330.377)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>44.622.597.439</b>	<b>36.653.428.334</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(44.101.930.266)	(1.901.121.131)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	200.000.000	118.181.818
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	520.608.441	399.176.403
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(43.381.321.825)</b>	<b>(1.383.762.910)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	217.115.818.469	176.396.962.475
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(195.135.239.742)	(195.450.711.135)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(561.942.331)	(1.053.718.995)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.415.238.800)	(22.439.978.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>5.003.397.596</b>	<b>(42.547.446.055)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>6.244.673.210</b>	<b>(7.277.780.631)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>60</b>	<b>5.622.310.872</b>	<b>12.900.105.816</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(60)	(14.313)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>11.865.684.022</b>	<b>5.622.310.872</b>

NGUYỄN THỊ QUYÊN  
Người lập biểu

VÕ NGỌC HUỲNH THƯ  
Kế toán trưởng



TRỊNH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo giấy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0301671386, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 81/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; in, tráng verni trên sắt; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 389 người, trong đó số lượng nhân viên quản lý là 27 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 348 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán (Tỷ giá: 21.085 VND/USD, 16.585 VND/SGD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

#### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo hiểm nhà xưởng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phụ tùng và chi phí nâng cấp nhà kho và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 24 đến 60 tháng tương ứng.

### 3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 28 năm
Máy móc thiết bị	02 - 22 năm
Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản khác	20 năm

Theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, "nguyên giá tài sản phải được xác định đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND (ba mươi triệu đồng) trở lên".

### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.9 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

### 3.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17% và trừ lương căn bộ công nhân viên là 7%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương căn bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương căn bộ công nhân viên là 1%.

### 3.12 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn cả 4 (bốn) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### 3.13 Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 3.14 Quỹ lương

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 4 năm 2013, mức chi quỹ lương toàn Công ty trong năm 2013 tối đa 10% doanh thu năm 2013.



**3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính bằng 25% lợi nhuận thu được.

**3.16 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Công ty sau đây được xem là bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Rau quả Nông sản Công ty TNHH một thành viên	Nhà đầu tư

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt - VND	10.343.598	178.699.737
Tiền gửi ngân hàng - VND	11.856.620.447	5.439.290.849
Tiền gửi ngân hàng - USD	14.338	4.314.544
Tiền gửi ngân hàng - SGD	5.639	5.742
	<u>11.866.984.022</u>	<u>5.622.310.872</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)**

Chi tiết số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng – USD	0,68	14.338
Tiền gửi ngân hàng – SGD	0,34	5.639
		<u>19.977</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tổng số dư tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) là 7.067.907.483 VND và số dư tiền gửi này được thế chấp để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

**4.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng – bên thứ ba	49.758.644.353	41.072.818.251
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(926.467.995)	(926.467.995)
<b>Giá trị thuần</b>	<u><b>48.832.176.358</b></u>	<u><b>40.146.350.256</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 206,00 USD tương đương 4.343.510 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư các khoản phải thu khách hàng thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) cho khoản vay ngắn hạn là 1.600.000,00 USD tương đương 33.736.000.000 VND.

Chi tiết khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

	Số dư dự phòng 01/01/2013 VND	Trích lập dự phòng trong năm VND	Hoàn nhập dự phòng trong năm VND	Số dư dự phòng 31/12/2013 VND
Công ty CBTP XK Kiên Giang	223.874.352	-	-	223.874.352
XI nghiệp chế biến thực phẩm MEKO	371.723.100	-	-	371.723.100
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	330.870.543	-	-	330.870.543
	<u>926.467.995</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>926.467.995</u>

**4.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước cho người bán – mua hàng hóa	118.177.514	104.971.910
Trả trước cho người bán – mua sắm tài sản	165.000.000	12.687.933.960
	<u>283.177.514</u>	<u>12.792.905.870</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4.4 Phải thu khác**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	159.840.517	97.030.359
Thuế GTGT tài sản cố định thuế tài chính	152.464.565	206.282.131
	<u>312.305.082</u>	<u>303.312.490</u>

**4.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hàng đang đi đường	11.088.723.683	4.616.489.072
Nguyên vật liệu tồn kho	97.356.851.513	86.408.425.740
Công cụ dụng cụ trong kho	231.565.956	238.513.661
Thành phẩm	11.594.552.192	10.594.257.059
Hàng hóa	9.164.370.420	6.288.251.000
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>129.436.063.764</b>	<b>108.145.936.532</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>129.436.063.764</b>	<b>108.145.936.532</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị hàng tồn kho thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) cho khoản vay ngắn hạn là 2.000.000,00 USD tương đương 42.170.000,000 VND.

**4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	-	290.709.396
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	244.667.699	205.052.101
Chi phí sửa chữa phân xưởng	-	48.489.111
Chi phí khác	50.342.674	17.036.423
	<u>295.010.373</u>	<u>561.287.031</u>

**4.7 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	456.100.000	125.600.000
Đặt cọc mua gas	36.958.000	36.958.000
Kỳ quỹ mở thư tín dụng mua sắm tài sản cố định	-	7.392.000.000
Kỳ quỹ mở thư tín dụng mua sắm phụ tùng	-	394.933.968
	<u>493.058.000</u>	<u>7.949.491.968</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lý Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2013	9.745.836.205	222.414.277.202	4.290.265.606	555.386.666	267.431.743	237.273.197.422
Mua trong năm	-	1.110.802.000	1.734.277.500	105.029.092	-	2.950.108.592
Kết chuyển từ XDCBDD	-	41.430.527.568	-	-	-	41.430.527.568
Thanh lý	-	-	(390.427.856)	-	-	(390.427.856)
Phân loại lại	(154.719.655)	(626.397.938)	(110.743.747)	(428.095.514)	-	(1.319.956.854)
Số dư tại ngày 31/12/2013	<b>9.591.116.550</b>	<b>284.329.208.832</b>	<b>5.523.371.503</b>	<b>232.320.244</b>	<b>267.431.743</b>	<b>279.943.448.872</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư 01/01/2013	8.739.042.137	131.969.822.990	3.045.520.835	477.945.758	267.431.743	144.499.763.461
Khấu hao trong năm	122.099.546	16.876.412.425	471.523.989	20.463.396	-	17.290.499.356
Thanh lý	-	-	(390.427.856)	-	-	(390.427.856)
Phân loại lại	(154.719.655)	(581.221.614)	(110.743.747)	(295.588.908)	-	(1.142.273.924)
Số dư 31/12/2013	<b>8.706.422.028</b>	<b>148.065.013.801</b>	<b>3.015.873.221</b>	<b>202.820.244</b>	<b>267.431.743</b>	<b>160.257.561.037</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 01/01/2013	1.006.794.068	90.444.454.212	1.244.744.771	77.440.910	-	92.773.433.961
Ngày 31/12/2013	<b>884.694.522</b>	<b>116.264.195.031</b>	<b>2.507.498.282</b>	<b>29.500.000</b>	-	<b>119.686.887.835</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng</b>						
	8.370.121.095	84.899.345.483	1.700.115.007	173.320.244	267.431.743	95.410.333.572
<b>Giá trị còn lại của TS thế chấp cho các khoản vay</b>						
	-	61.903.402.913	-	-	-	61.903.402.913

**4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.916.439.794	2.916.439.794
Tăng trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	<b>2.916.439.794</b>	<b>2.916.439.794</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2013	218.732.985	218.732.985
Khấu hao trong năm	291.643.979	291.643.979
Số dư tại ngày 31/12/2013	<b>510.376.964</b>	<b>510.376.964</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.697.706.809	2.697.706.809
Số dư tại ngày 31/12/2013	<b>2.406.062.830</b>	<b>2.406.062.830</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2013	Tăng trong năm	Kết chuyển tăng	31/12/2013
	VND	2013	TSCĐ	VND
		VND	VND	VND
Máy xếp kiện pallet	6.124.834	2.385.613.494	(2.391.738.328)	-
Máy ghép mi hộp bánh	102.071.501	20.707.977.152	(20.810.048.653)	-
Máy hàn	30.069.389	13.205.722.460	(13.235.791.849)	-
Máy cắt sắt	1.087.223	4.991.861.515	(4.992.948.738)	-
	<u>139.352.947</u>	<u>41.291.174.621</u>	<u>(41.430.527.568)</u>	<u>-</u>

**4.11 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Căng Rau quả (chiếm 0,79% vốn điều lệ của Công ty này)	1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá cổ phiếu	(505.348.000)	(1.152.008.200)
	<u>1.466.652.000</u>	<u>819.991.800</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, số lượng cổ phiếu của Công ty CP Căng Rau quả mà Công ty nắm giữ là 66.666 cổ phiếu.

Chi tiết biến động dự phòng giảm giá cổ phiếu:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.152.008.200	1.118.675.200
Trích lập trong năm	-	33.333.000
Hoàn nhập trong năm	(646.660.200)	-
Số dư cuối năm	<u>505.348.000</u>	<u>1.152.008.200</u>

**4.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	01/01/2013	Tăng trong năm	Kết chuyển từ TSCĐ	Phân bổ trong năm	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mở rộng, sửa chữa phân xưởng	915.146.234	2.680.857.882	-	(762.992.233)	2.833.011.883
Chi phí công cụ dụng cụ	2.060.382.111	1.056.395.250	177.682.930	(978.883.888)	2.315.576.403
	<u>2.975.528.345</u>	<u>3.737.253.132</u>	<u>177.682.930</u>	<u>(1.741.876.121)</u>	<u>5.148.588.286</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4.13 Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kỳ quỹ thuê tài chính	342.943.000	342.943.000
Kỳ quỹ dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
	<u>352.943.000</u>	<u>352.943.000</u>

Khoản kỳ quỹ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000 giữa Công ty và Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư kỳ quỹ thuê tài chính tương đương 10% giá mua (dự kiến) của tài sản thuê.

**4.14 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn		
• Ngân hàng BIDV	(a) 28.559.170.784	14.703.642.321
• Ngân hàng HSBC	(b) 33.658.266.347	13.359.985.184
• Ngân hàng ANZ	-	2.275.066.781
• Cán bộ công nhân viên	-	4.363.651.532
Nợ dài hạn đến hạn trả	(c) 6.728.845.702	15.670.636.651
	<u>68.946.282.833</u>	<u>50.373.182.469</u>

(a) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 28.559.170.784 VND theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 29/2013/94178 ngày 14 tháng 5 năm 2013, với hạn mức tín dụng là 55.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất vay hiện hành là 8,0%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là cầm cố các tài sản hình thành từ các khoản vay trung dài hạn, các khoản phải thu và toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng này.

(b) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) là 33.658.266.347 VND theo thư cung cấp tiện ích số VNM07 120302 ngày 09 tháng 4 năm 2012 với hạn mức là 2.000.000,00 USD hoặc tương đương bằng USD để mở thư tín dụng và nhập khẩu. Lãi suất vay hiện hành từ 7,0%/năm đến 8,2%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp giá trị hàng tồn kho tại kho có giá trị 2.000.000,00 USD và thế chấp các khoản phải thu trị giá 1.600.000,00 USD.

(c) Xem thuyết minh 4.22.

**4.15 Phải trả người bán**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán bên thứ ba – trong nước	2.945.444.766	3.753.840.572
Phải trả người bán bên thứ ba – nước ngoài	35.751.171.466	8.573.278.468
	<u>38.696.616.222</u>	<u>12.327.119.040</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 1.695.573,70 USD tương đương 35.751.171.466 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4.16 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	1.585.755.210	1.836.230.424
	<u>1.585.755.210</u>	<u>1.836.230.424</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư người mua trả tiền trước có gốc ngoại tệ là 1.287,23 USD tương đương 27.224.914 VND.

**4.17 Thuế**

*Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ*

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	<u>183.511.798</u>	<u>274.953.686</u>

*Thuế và các khoản phải thu Nhà nước*

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền thuế đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	275.131.909	350.615.041
	<u>275.131.909</u>	<u>350.615.041</u>

*Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT đầu ra	360.740.375	1.779.156.619
Thuế nhập khẩu	-	69.015.733
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.687.696.334	4.859.085.584
Thuế thu nhập cá nhân	215.389.682	1.494.411
Các khoản phải nộp khác	659.125.650	-
	<u>3.922.952.041</u>	<u>6.708.752.347</u>

**4.18 Phải trả công nhân viên**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Lương phải trả	2.296.927.444	2.140.090.911
Trích trước quỹ lương	2.947.084.000	2.150.000.000
	<u>5.244.011.444</u>	<u>4.290.090.911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4.19 Chi phí phải trả**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	966.021.877	979.691.864
Trích trước chi phí lãi vay	300.755.533	-
Chi phí khác	66.096.250	80.500.000
	<u>1.332.873.660</u>	<u>1.060.191.864</u>

**4.20 Phải trả khác**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	37.068.066	37.002.996
Nhận ký quỹ mua hàng	12.846.036.466	17.355.215.522
Cổ tức phải trả	3.949.808.847	3.851.770.847
Các khoản phải trả khác	35.574.324	31.625.236
	<u>16.868.487.693</u>	<u>21.275.614.601</u>

**4.21 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	3.103.208.613	612.077.820
Trích lập trong năm	2.176.972.538	5.570.787.118
Tặng khác	160.000.160	20.350.000
Chi trong năm	(3.632.330.594)	(3.094.230.343)
Giảm khác	(320.348.342)	(7.698.255)
Số dư cuối năm	<u>1.487.500.375</u>	<u>3.101.266.340</u>

Quỹ khen thưởng và phúc lợi của Công ty bao gồm quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty.

**4.22 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn		
• Ngân hàng BIDV	(a) 13.513.212.353	29.287.930.790
• Ngân hàng HSBC	10.461.062.023	-
Nợ dài hạn	(b) 1.591.976.340	2.153.918.671
Nợ dài hạn đến hạn trả	(c) (6.728.845.702)	(15.670.836.651)
	<u>18.837.405.014</u>	<u>15.771.012.810</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

(a) Đây là số dư các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 256.732,86 USD tương đương 5.413.212.353 VND và 8.100.000.000 VND có thời hạn vay theo các hợp đồng từ 60 tháng đến 72 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư các dự án của Công ty với lãi suất từ 2,83%/năm đến 8,00%/năm (vay bằng USD) và 10,87%/năm đến 14,00%/năm (vay bằng VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 41.960.439.622 VND.

(b) Đây là khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với số tiền là 10.461.062.023 VND có thời hạn vay là 54 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư cho các dự án của Công ty với lãi suất vay từ 11,5%/năm đến 13,0%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 19.942.963.291 VND.

(c) Đây là khoản thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000, giá mua là 3.207.637.666 VND với thời hạn thuê là 48 tháng. Theo Hợp đồng cho thuê, lãi suất thuê là 17,0%/năm, trong đó lãi suất cơ bản là 14,0%/năm và lãi suất chỉ định là 3,0%/năm, lãi suất cơ bản có thể được điều chỉnh trong thời gian thuê. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 1% giá mua.

Chi tiết số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Ngân hàng	Nợ gốc vay vào ngày 31/12/2013		Nợ dài hạn đến hạn trả		Số dư vay và nợ dài hạn vào ngày 31/12/2013	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	256.732,86	5.413.212.353	(68.929,86)	(1.453.386.098)	187.803,00	3.959.826.255
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)		8.100.000.000		(2.000.000.000)		6.100.000.000
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam		10.461.062.023		(2.615.265.508)		7.845.796.515
		<u>1.591.976.340</u>		<u>(660.194.096)</u>		<u>931.782.244</u>
		<u>25.666.250.716</u>		<u>(6.728.845.702)</u>		<u>18.837.405.014</u>

**4.23 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế hoãn lại phải trả đối với các khoản chi phí:		
• Chi phí công cụ, dụng cụ	291.684.832	128.206.487
• Chi phí xây dựng và mở rộng phân xưởng	24.747.038	5.488.100
	<u>316.431.870</u>	<u>133.694.587</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**4.24 Vốn chủ sở hữu và các quỹ**

**4.24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Công VND
<b>Năm 2012</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2012	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	7.854.482.030	4.935.545.979	30.025.033.092	169.973.838.550
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	20.733.071.783	20.733.071.783
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	4.879.123.919	1.724.402.455	(6.603.526.374)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(5.570.767.118)	(5.570.767.118)
Chia cổ tức năm 2011 đợt 2	-	-	-	-	-	(17.850.739.600)	(17.850.739.600)
Chia cổ tức năm 2012 đợt 1	-	-	-	-	-	(8.256.638.400)	(8.256.638.400)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>103.395.200.000</b>	<b>24.080.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>12.733.605.949</b>	<b>6.659.948.434</b>	<b>12.476.433.383</b>	<b>159.028.765.215</b>
<b>Năm 2013</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2013	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	12.733.605.949	6.659.948.434	12.476.433.383	159.028.765.215
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	23.460.720.532	23.460.720.532
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	1.006.168.856	1.036.653.589	(2.042.822.445)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.176.972.538)	(2.176.972.538)
Chia cổ tức năm 2012 đợt 2	-	-	-	-	-	(8.256.638.400)	(8.256.638.400)
Chia cổ tức năm 2013 đợt 1	-	-	-	-	-	(8.256.638.400)	(8.256.638.400)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>103.395.200.000</b>	<b>24.080.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>13.739.774.805</b>	<b>7.696.602.023</b>	<b>15.204.082.132</b>	<b>163.799.236.409</b>

**Vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)**

**4.24.2 Phân phối lợi nhuận**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25 tháng 4 năm 2013, lợi nhuận sau thuế năm 2012 được phân phối như sau:

	VND
• Quỹ đầu tư phát triển	1.006.168.856
• Quỹ dự phòng tài chính	1.036.653.589
• Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	1.658.645.743
• Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	518.326.795
• Chia cổ tức năm 2012 (16%/ vốn điều lệ), trong đó năm 2012 đã tạm chia đợt 1 là 8.256.638.400 VND	16.513.276.800
	<u>20.733.071.783</u>

**4.24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	2013 VND	2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	103.395.200.000	103.395.200.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	103.395.200.000	103.395.200.000
Trừ: Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(187.220.000)	(187.220.000)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	103.207.980.000	103.207.980.000
Đã chi trả cổ tức bằng tiền	18.415.238.800	22.439.978.400
Trong đó:		
+ Chi cổ tức của năm 2009	237.600	815.400
+ Chi cổ tức của năm 2010	633.600	2.510.400
+ Chi cổ tức của năm 2011	15.011.600	17.676.574.200
+ Chi cổ tức của năm 2012	11.558.057.600	4.760.078.400
+ Chi cổ tức của năm 2013 (*)	4.841.298.400	

(\*) Tỷ lệ cổ tức tạm ứng đợt 1 của năm 2013 là 8% (800 VND/cổ phiếu).

**4.24.4 Cổ phiếu phổ thông**

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.651.318	10.651.318
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.339.520	10.339.520
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(18.722)	(18.722)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.320.798	10.320.798
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng

**4.24.5 Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính**

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty chưa có công bố chính thức về cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu – thành phẩm, hàng hóa	260.196.768.067	222.542.375.910
Doanh thu – gia công	83.476.027.576	85.878.577.651
Doanh thu khác	34.373.723.899	26.212.976.166
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>378.046.519.542</b>	<b>334.633.929.727</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(73.350.800)	(1.840.516.580)
Giảm giá hàng bán	(4.654.500)	-
	<b>(78.005.300)</b>	<b>(1.840.516.580)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>377.968.514.242</b>	<b>332.793.413.147</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn hàng bán – thành phẩm, hàng hóa	215.077.609.964	190.617.579.782
Giá vốn hàng bán – gia công	66.839.024.122	68.192.911.354
Giá vốn khác	34.388.749.525	23.997.726.931
	<b>316.105.383.611</b>	<b>282.808.220.067</b>

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố:

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	252.823.689.485	226.712.893.998
Chi phí nhân công	27.256.405.033	22.791.335.522
Chi phí vật liệu	1.963.760.632	1.035.241.355
Chi phí dụng cụ sản xuất	9.716.148.553	11.803.716.853
Chi phí khấu hao	17.282.917.735	14.924.564.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.479.721	301.161.037
Chi phí bằng tiền khác	6.701.962.452	5.439.307.246
	<b>316.105.383.611</b>	<b>282.808.220.067</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	413.942.841	265.844.403
Cổ tức nhận được	106.665.600	158.331.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.012.518	517.506.510
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	251.540.216
	<b>568.620.959</b>	<b>1.193.222.129</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**5.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	6.756.499.567	6.283.405.254
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	533.705.181	260.707.775
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.293.795	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(646.660.200)	33.333.000
	<u>6.656.838.343</u>	<u>6.577.446.029</u>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	6.815.160.267	4.628.810.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.185.959	214.727.505
Chi phí nhiên liệu	1.245.825.429	862.695.145
Chi phí hoa hồng	2.424.652.226	2.161.236.571
Chi phí vận chuyển	2.283.913.899	1.370.529.508
Chi phí khác	336.593.480	185.689.392
	<u>13.360.331.280</u>	<u>9.423.688.727</u>

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.852.380.707	4.905.055.826
Chi phí vật dụng văn phòng	349.560.782	284.651.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.039.641	70.744.674
Tiền thuê và tiền thuê đất	1.285.148.757	1.285.148.759
Chi phí dự phòng	-	132.106.953
Chi phí khác	2.571.861.616	1.915.361.640
	<u>10.115.991.503</u>	<u>8.593.068.883</u>

**5.7 Thu nhập khác**

	2013 VND	2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	200.000.000	118.181.818
Thu bồi thường sắt, hỏa chất	318.478.825	128.698.611
Thu nhập khác	54.692.843	1.724.536.600
	<u>573.171.668</u>	<u>1.971.417.029</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**5.8 Chi phí khác**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí đền bù, bồi thường	26.339.041	705.660.380
Truy thu thuế GTGT, thuế TNDN theo Quyết định số 5319/QĐ-CT-TTr3 ngày 30/12/2013	659.303.452	-
Chi phí khác	659.125.650	-
	<u>1.344.768.143</u>	<u>705.660.380</u>

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.536.993.989	27.849.988.219
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chênh lệch vĩnh viễn		
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	777.521.475	100.792.513
<i>Cổ tức đã nhận được</i>	(106.665.600)	(133.332.000)
Chênh lệch tạm thời		
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	399.234	441.909
<i>Các khoản chi phí trích trước</i>	96.844.727	649.715.101
<i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	(653.913.379)	(512.825.948)
<i>Chi phí xây dựng trạm xử lý nước thải và mở rộng phân xưởng</i>	(77.035.752)	(21.952.400)
Thu nhập chịu thuế TNDN	<u>31.574.144.694</u>	<u>27.932.807.394</u>
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<u>7.893.536.174</u>	<u>6.983.201.849</u>

**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	2013 VND	2012 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các khoản chi phí:		
• Chi phí công cụ, dụng cụ	163.478.345	128.206.487
• Chi phí xây dựng trạm xử lý nước thải và mở rộng phân xưởng	19.258.938	5.488.100
	<u>182.737.283</u>	<u>133.694.587</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**5.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	272.914.145.168	245.128.008.988
Chi phí nhân viên	33.108.785.740	27.696.391.348
Chi phí khấu hao	17.582.143.335	15.210.036.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.644.393.620	1.671.690.545
Chi phí khác	13.322.238.531	11.118.850.561
	<u>339.571.706.394</u>	<u>300.824.977.677</u>

**5.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	23.460.720.532	20.733.071.783
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.460.720.532	20.733.071.783
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.320.798 CP	10.320.798 CP
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>2.273 VND/CP</u>	<u>2.009 VND/CP</u>

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Tuy nhiên do Công ty chỉ có hoạt động sản xuất bao bì bằng kim loại nên báo cáo bộ phận được lập theo khu vực địa lý.

Hoạt động của Công ty được phân bố trong nước và xuất khẩu.

Chỉ tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý như sau:

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu thuần – nội địa	376.430.790.174	330.317.839.796
Doanh thu thuần – xuất khẩu	1.537.724.068	2.475.573.351
	<u>377.968.514.242</u>	<u>332.793.413.147</u>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

### 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản kỳ quỹ, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### *1. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay Công ty.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Rủi ro ngoại tệ (tiếp theo)*

Công ty có các khoản phải thu và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền gửi ngân hàng	0,68	207,43
Phải thu khách hàng	208,00	150,00
Vay và nợ ngắn hạn	(68.929,86)	(1.399.609,73)
Phải trả cho người bán	(1.695.573,70)	(380.270,07)
Nhận ký quỹ	(15.118,56)	(15.118,56)
Vay và nợ dài hạn	(187.803,00)	(281.707,00)
	<b>(1.967.218,44)</b>	<b>(2.076.347,93)</b>

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của công ty (do sự thay đổi hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD:

	Thay đổi tỷ giá %	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế USD	trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	+1	(19.672,18)	(413.805.300)
	-1	19.672,18	413.805.300
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	+1	(20.763,48)	(431.880.369)
	-1	20.763,48	431.880.369

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

*iii. Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Các khoản vay và nợ	66.946.282.833	18.837.405.014	87.783.687.847
Phải trả người bán	38.696.616.222	-	38.696.616.222
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	18.164.293.287	-	18.164.293.287
	<b>125.807.192.342</b>	<b>18.837.405.014</b>	<b>144.644.597.356</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Các khoản vay và nợ	50.373.182.469	15.771.012.810	66.144.195.279
Phải trả người bán	12.327.119.040	-	12.327.119.040
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	22.299.003.469	-	22.299.003.469
	<b>84.999.304.978</b>	<b>15.771.012.810</b>	<b>100.770.317.788</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

*iv. Giá trị hợp lý*

*(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	48.832.176.358	40.146.350.256	48.832.176.358	40.146.350.256
<i>Các khoản ký quỹ</i>	389.901.000	8.176.834.968	389.901.000	8.176.834.968
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	11.866.984.022	5.622.310.872	11.866.984.022	5.622.310.872
<i>Đầu tư dài hạn</i>	1.466.652.000	819.991.800	1.466.652.000	819.991.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.555.713.380</b>	<b>54.765.487.896</b>	<b>62.555.713.380</b>	<b>54.765.487.896</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	87.783.687.847	66.144.195.279	87.783.687.847	66.144.195.279
Phải trả người bán	38.696.616.222	12.327.119.040	38.696.616.222	12.327.119.040
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	18.164.293.287	22.299.003.469	18.164.293.287	22.299.003.469
<b>Tổng cộng</b>	<b>144.644.597.356</b>	<b>100.770.317.788</b>	<b>144.644.597.356</b>	<b>100.770.317.788</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Nợ phải trả tài chính phi phải sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**v. Phòng ngừa rủi ro**

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty thế chấp tất cả các khoản phải thu, hàng tồn kho và máy móc thiết bị của mình cho các khoản vay (Xem 4.2, 4.5, 4.14 và 4.22).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 12.846.036.456 VND và vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 17.355.215.522 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Thủ lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và lương, thưởng trả cho Ban Giám đốc:

	2013 VND	2012 VND
Thủ lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	675.250.000	742.710.000
Lương và thưởng trả cho Ban Giám đốc	573.156.769	1.123.051.997
	<u>1.248.406.769</u>	<u>1.865.761.997</u>

**8.2 Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2013 VND	2012 VND
Tổng Công ty Rau quả Nông sản Công ty TNHH một thành viên	Chia cổ tức	6.599.340.800	9.074.093.600

Số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Rau quả Nông sản Công ty TNHH một thành viên	Cổ tức phải trả	3.299.670.400	3.299.670.400

**8.3 Các cam kết**

**8.3.1 Cam kết mua máy móc thiết bị, phụ tùng**

Trong năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng mua máy móc thiết bị, phụ tùng từ nhà cung cấp với các hợp đồng như sau:

Nhà cung cấp	Hợp đồng Số	Hợp đồng Ngày	Đơn vị Nguyên tệ	Giá trị hợp đồng Giá trị
Rieckermann GmbH	MPC/RIECKERMANN-VSM-1286/2013	28/12/2013	EUR	1.866.100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Các cam kết (tiếp theo)**

**8.3.2 Cam kết mua nguyên vật liệu**

Trong năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp với các hợp đồng như sau:

Nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu	Số	Hợp đồng Ngày	Nguyên tệ	Giá trị hợp đồng Giá trị
United Bright Industrial Limited	Sắt	SC-VN130903	12/09/2013	USD	48.750,00
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF1311004	16/09/2013	VND	5.000.000.000
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPS1312006	23/10/2013	VND	1.000.000.000
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPH1401001	23/10/2013	VND	1.000.000.000
Viking Industrial Corporation	Sắt	3S/0191	05/11/2013	USD	51.500,00
Sumitomo Corporation	Sắt	KJHE14-8603	28/11/2013	USD	205.000,00
Bao Steel Singapore Pte Ltd.	Sắt	BS-TE4B417	18/12/2013	USD	68.740,23

**8.4 Thông tin so sánh**

	Thuyết minh	Số dư 01/01/2013 sau phân loại VND	Số dư 31/12/2012 trước phân loại VND	Số tiền VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.20	21.275.814.801	21.273.874.328	1.940.273
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.21	3.101.266.340	3.103.206.613	(1.940.273)

Trình bày lại quỹ khuyến mãi khách hàng sang các khoản phải trả, phải nộp khác.

  
  
  


**NGUYỄN THỊ QUYÊN**  
 Người lập biểu

**VÕ NGỌC HUỖNH THƯ**  
 Kế toán trưởng

**TRỊNH HỮU MINH**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014